

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2019/DS-PT

Ngày 12-6-2019

V/v Tranh chấp về quyền thuê sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Văn Tùng

Các Thẩm phán:

Bà Vũ Thị Mai Hương

Bà Vũ Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Ông Lã Ngọc Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:

Bà Lưu Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2019/TLPT-DS ngày 18-3-2019 về việc tranh chấp về quyền thuê sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Nam Định bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2019/QĐ-PT ngày 23 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn D, sinh năm 1968; Địa chỉ: Xóm 15, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Nguyễn Minh P – Luật sư của văn phòng Luật sư Văn và Minh Đoàn Luật sư Nam Định.

- *Bị đơn:* Ông Đỗ Văn S, sinh năm 1965; Địa chỉ: Xóm 15, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Đỗ Văn K, sinh năm 1990; Địa chỉ: Xóm 15, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

2. Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Nam Định

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quang B, chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Lưu Văn C, sinh năm 1942; địa chỉ: Xóm 7, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

2. Ông Trần Văn Kh, sinh năm 1927; địa chỉ: Xóm 15, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

3. Ông Lương Văn Th, sinh năm 1974; địa chỉ: Xóm 7, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

4. Anh Vũ Văn Đ, sinh năm 1990; địa chỉ: Xóm 13, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

5. Ông Trần Xuân Tr; địa chỉ: Xóm 7, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

6. Anh Phạm Văn H, sinh năm 1984; địa chỉ: Xóm 7, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

7. Bà Trần Thị H1, sinh năm 1970; địa chỉ: Xóm 15, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên toà phúc thẩm: Ông D, ông S, anh K có mặt; bà H1 ông Ba, ông C, ông Kh, ông Th, anh Đ, ông Tr, anh H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn ông Trần Văn D trình bày:

Từ 1996 ông Trần Văn D và ông Đỗ Văn S đã cùng nhau thuê nhà của ông Diệt để làm xưởng mộc. Năm 1998 ông S mua 40m² đất mặt đường quốc lộ 37B xóm 7, xã T, mặt đường rộng 5 mét, dài 8 mét, của ông Phạm Thành L. Nguồn gốc đất trước đây là của ông Lương Văn Th mua của UBND xã T, sau đó ông Th bán lại cho ông L. Sau khi mua đất, cùng năm 1998 ông S rủ ông D góp tiền mua đất với giá 7.500.000đồng, ông S mới trả trước cho ông L được 4.500.000đồng, còn nợ lại ông L 3.000.000đồng. Ông D và ông S thống nhất lấy 4.500.000đồng tiền quỹ chung của hai ông để trả tiền đất cho bà Trần Thị H1 vợ ông S. Do đất sông lấp không làm được giấy CNQSD đất nên UBND xã T đã trả lại tiền đất mà xã đã thu 4.000.000đồng của ông Lương Văn Th chủ đầu tiên, ông Th và ông L, ông S đã đến xã nhận lại tiền và thống nhất ông S được nhận số tiền 4.000.000đồng của UBND xã và ông S trả cho ông L 3.000.000đồng tiền nợ mua đất còn lại, còn dư số tiền 1.000.000đồng ông S đưa vào quỹ làm chung của ông D và ông S, sau đó ông D và ông S cùng nhau xây dựng lán xưởng trên toàn bộ 40m² đất để làm nghề mộc, khi mua lại đất của ông L thì trên đất đã có nền móng xây tường cao 01 mét, hai ông chỉ việc xây tiếp và lợp bờ rô xi măng, số tiền làm hết khoảng 8.000.000đồng. Đến năm 2007 ông D và ông S không làm chung

nhau nữa, giữa ông D và ông S đã chia gỗ, máy móc, công nợ, riêng đất và lán xưởng chưa chia vì ông S không đồng ý. Ngay năm 2007 hai bên có tranh chấp và tự giải quyết có sự chứng kiến của ông Trần Văn Kh và ông Trần Xuân Tr, anh Vũ Văn Đ (là người làm công), ông Tr có ý kiến là đất này giá tại thời điểm đó là 30.000.000đồng, trước hết nhường ông S lấy thì ông S phải trả cho ông D 12.000.000đồng, ông D lấy thì phải trả cho ông S 15.000.000đồng, nhưng ông S không đồng ý mà cho rằng đất mua mang tên ông S, quyền mua bán là quyền của ông S, hai bên chỉ trao đổi bằng lời nói, không lập biên bản gì và ông S vẫn tiếp tục sử dụng đất và lán xưởng. Đến năm 2012 UBND xã T cho các hộ dân đang sử dụng trên đất sông lấp được ký hợp đồng thuê đất, do ông D không biết chủ trương của xã nên ông S đã đứng ra ký hợp đồng thuê đất. Đến năm 2017 khi ông S chuyển quyền thuê đất cho con là anh Trần Văn K, đến ngày 25, 26 tháng 4 năm 2017 ông D yêu cầu ông S giải quyết đất chung nhưng gia đình ông S không hợp tác, đến ngày 27-4-2017 ông S cho con phá dỡ nhà xưởng thì ông D làm đơn yêu cầu UBND xã giải quyết, ngay sau đó ông S có mời ông Trần Văn Thụ, ông Lưu Văn C là phụ trách đội, xóm cùng ông D đến nhà để giải quyết, tại buổi làm việc đó ông S vẫn thừa nhận đất của chung, nhà của chung nhờ ông Thụ, ông C giải quyết hộ. Ông Thụ nói “ đất, nhà của chung không có giấy tờ anh em tự giải quyết với nhau, nếu không được thì đến UBND xã giải quyết, chúng tôi không đủ thẩm quyền”. Tại UBND xã ông D yêu cầu ông S phải trả số tiền 30 triệu đồng nhưng ông S không đồng ý mà chỉ chấp nhận trả 10 triệu. Nay ông D có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông S phải trả $\frac{1}{2}$ giá trị chuyển nhượng quyền thuê đất là 150.000.000đồng (Hiện nay diện tích đất này ở địa pH1 các hộ dân chuyển nhượng cho nhau khoảng 300.000.000đồng).

* Tại bản tự khai và quá trình tố tụng bị đơn là ông Đỗ Văn S trình bày: Từ 1996 ông và ông D đã cùng nhau thuê nhà ông Diệt để làm xưởng mộc. Ngày 30-5-1998 ông mua 40m² đất mặt đường QL 37B xóm 7, xã T, của ông Phạm Thành L với giá 7.500.000đồng, nguồn gốc đất này là đất do UBND xã T bán cho ông Lương Văn Th, nhưng do không hợp thức hóa được, nên UBND xã trả lại cho ông Th 04 triệu, nhưng do ông Th đã bán đất cho ông L, ông L lại bán đất cho ông S nên ông Th sau khi nhận tiền đã trả lại cho ông S, từ năm đó thổ đất này thuộc đất của UBND xã quản lý và cho ông S thuê. Ông S và ông D làm chung xưởng mộc từ năm 1996 đến năm 2007 thì không còn làm chung nữa, sau khi không làm chung nữa ông và ông D đã chia nhau tài sản gỗ, máy móc, lán xưởng (xưởng làm chung) việc phân chia do hai bên thỏa thuận bằng lời nói không lập thành văn bản. Năm 2007 khi phân chia nhà xưởng ông đã đổi trừ vào tiền ông D thuê nhà của ông từ năm 2005 đến 2007 mà không trả tiền. Ông thuê đất đến hết năm 2016, sau khi hết hợp đồng ông không thuê nữa và để cho con trai anh Đỗ Văn K thuê lại đất, nay lán xưởng anh K đã phá dỡ và làm nhà hai tầng mái lợp tôn để ở. Nay ông S không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông D, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Đỗ Văn K trình bày: Nguồn gốc thổ đất đang có tranh chấp là của ông Đỗ Văn S (bố anh) mua của ông Phạm Thành L diện tích 40m², đất mặt đường QL 37B xóm 7, xã T, mặt đường rộng 5 mét, dài 8 mét, đất này trước đây do UBND xã cấp cho ông Th, ông Th bán lại cho ông L và ông L bán lại cho ông S, nhưng do xã không hợp thức hóa được, nên đất này hiện vẫn của UBND xã T quản lý và cho ông S thuê. Anh không biết gì về việc làm chung giữa ông S và ông D. Đến ngày 01-01-2017 ông S không thuê đất nữa nên đã chuyển hợp đồng cho anh tiếp tục thuê đất với UBND xã T.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Chu Đức Chính phó chủ tịch UBND xã T cung cấp nguồn gốc 40 m² giữa ông D và ông S đang có tranh chấp, hiện nay đất thuộc UBND xã T quản lý, trước đây phần diện tích đất này thuộc dân cư nhưng sau đó UBND tỉnh Nam Định có chủ trương mở rộng đường và hành lang bảo vệ đường nên diện tích còn lại không đủ điều kiện để dân cư nên đến năm 1999 UBND xã T đã trả lại tiền cho các hộ dân trong đó có hộ ông Lương Văn Th, ông S là người được ông Th ủy quyền đến nhận tiền 4.000.000đ, từ năm 1999 đến năm 2012 xã T đã cho các hộ dân sử dụng đất không thu lệ phí, từ đầu năm 2013 cho đến nay xã đã cho các hộ thuê quyền sử dụng đất theo nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân trong đó hộ ông S thuê diện tích đất đang có tranh chấp nêu trên, hết thời hạn đã thanh lý hợp đồng ông S không thuê đất nữa, từ ngày 01-01-2017 diện tích này do anh Đỗ Văn K con trai ông S ký hợp đồng thuê đất với xã T, hiện nay hợp đồng vẫn đang còn hiệu lực. UBND xã T khẳng định diện tích đất hai ông đang có tranh chấp là do đất thuộc diện UBND xã quản lý từ trước cho tới nay, việc làm ăn chung giữa hai ông như thế nào UBND xã T không làm được, vì giữa ông D và UBND xã T không ký hợp đồng thuê đất lần nào.

* *Người làm chứng* anh Vũ Văn Đ trình bày: Anh không biết việc ông S và ông D chung nhau mua đất như thế nào, anh là người làm công cho ông D và ông S hai năm, năm 2007 ông D và ông S thôi làm chung và phân chia máy móc, gỗ, riêng đất và nhà xưởng hai ông hợp phân chia có sự chứng kiến của anh Đ và ông Tr là xóm Tr.

* *Người làm chứng* ông Trần Văn Kh trình bày: Ông S và ông D có làm chung xưởng mộc với nhau, việc chung vốn mua đất, dựng xưởng như thế nào ông không biết.

Ngày 12-11-2018 Hội đồng định giá đã định giá, giá trị chuyển nhượng quyền thuê đất và tài sản trên đất đối với diện tích đất 40 m² đang có tranh chấp có giá chuyển nhượng thực tế là 180.000.000đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Nam Định. Căn cứ các Điều 208; 209; 215; 219 BLDS.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của ông Trần Văn D đối với ông Đỗ Văn S.

2. Buộc ông Đỗ Văn S phải trả cho ông Trần Văn D $\frac{1}{2}$ giá trị góp vốn quyền được thuê tài sản đối với 40m² đất và nhà xưởng thuộc đất sông lấp ở mặt đường QL 37B xóm 7, xã T với số tiền 90.000.000đồng (180.000.000đ : 2= 90.000.000đ)(chín mươi triệu đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 02-02-2019 ông Đỗ Văn S là bị đơn trong vụ án có đơn kháng cáo với nội dung: Không nhất trí với quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm: Ông S và ông D không còn quyền sử dụng đất với diện tích đất đang có tranh chấp do đã hết hạn hợp đồng thuê từ năm 2013, từ năm 2013 đến năm 2016 một mình ông S ký hợp đồng thuê với UBND xã T, sau khi hết hạn hợp đồng ông S không thuê đất nữa, anh K con trai ông S ký hợp đồng thuê đất với UBND xã T nên ông D không có liên quan gì, đề nghị xét xử phúc thẩm lại để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho ông S.

Ngày 12-02-2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện T có Quyết định kháng nghị số 01/QĐ-KN với nội dung: Ông D khởi kiện yêu cầu ông S chia tài sản chung là nhà và quyền sử dụng đất nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa điều tra xác minh về tài sản là nhà xưởng mà ông D và ông S đã góp tiền xây dựng nên để xác định có hay không giá trị thực tế và không giải quyết vấn đề này trong bản án làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Tòa án đã thành lập Hội đồng định giá đã định giá giá trị chuyển nhượng quyền thuê đất và tài sản trên đất đối với diện tích 40m² có giá trị chuyển nhượng thực tế là 180.000.000đ nhưng trong biên bản định giá không thể hiện tài sản trên đất là những loại gì, của ai. Trong hồ sơ vụ án cũng không có tài liệu chứng cứ nào xác định việc ông D và ông S cùng nhau thuê mảnh đất này của UBND xã T mặt khác theo UBND xã T cung cấp thửa đất đang có tranh chấp giữa hai ông là đất công do UBND xã quản lý, năm 2017 ông D có đơn đề nghị giải quyết tranh chấp, ủy ban xã đã tiến hành làm việc nhưng ông D không có tài liệu chứng cứ chứng minh việc ông được thuê đất của UBND xã, ông D chỉ yêu cầu giải quyết phần tài sản là nhà xưởng xây dựng trên đất. Bản án sơ thẩm nhận định việc góp vốn mua đất làm lán xưởng giữa ông D và ông S là hoàn toàn có thật và việc chiếm hữu đất đai và lán xưởng của ông S đối với tài sản mua chung đã ảnh hưởng đến quyền lợi của ông D và bản án đã quyết định như trên là không có căn cứ.

Tại phiên toà phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định vẫn giữ nguyên Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện T. Tại phiên toà phúc thẩm: Ông D và ông S đã thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến: Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân theo các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm. Tòa án cấp sơ thẩm còn có thiếu sót. Ông D khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét giải quyết chia tài sản chung là nhà xưởng và quyền sử dụng đất nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện T không xem xét giải quyết về lán xưởng là bỏ sót yêu cầu khởi kiện. Về nội dung, tại phiên tòa phúc thẩm ông D và ông S đã thỏa thuận với nhau về việc ông S tự nguyện thanh toán trả cho ông D 5.000.000đ trị giá của chiếc lán xưởng và 15.000.000đ quyền thuê sử dụng đất trong 5 năm từ năm 2007 đến năm 2012 đối với diện tích 40m² đất sông lấp ở mặt đường QL 37B thuộc xóm 7, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Tổng cộng 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự. Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm còn có thiếu sót sau cần rút kinh nghiệm đối với diện tích 40m² là đất công thuộc UBND xã T quản lý, trong quá trình giải quyết vụ án đáng lẽ Tòa án cấp sơ thẩm phải đưa UBND xã T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mới triệt để đúng theo quy định của pháp luật nhưng trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã xác minh về nguồn gốc đất tại UBND xã T nên không cần thiết phải hủy án sơ thẩm, tuy cấp sơ thẩm có thiếu sót nhưng quyền lợi của UBND xã T vẫn được đảm bảo, không bị xâm hại vẫn có thể khắc phục sửa chữa, bổ sung tại cấp phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật: Ông Trần Văn D khởi kiện yêu cầu ông Đỗ Văn S phải trả ½ giá trị chuyển nhượng quyền thuê đất. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp tài sản chung” là chưa chính xác, cấp phúc thẩm cần phải xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp về quyền thuê sử dụng đất” mới đúng theo quy định của pháp luật.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trần Văn D và ông Đỗ Văn S thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án như sau: Ông S tự nguyện thanh toán trả cho ông D 5.000.000đ trị giá của chiếc lán xưởng và 15.000.000đ quyền thuê sử dụng đất trong 5 năm từ năm 2007 đến năm 2012 đối với diện tích 40m² đất sông lấp ở mặt đường QL 37B thuộc xóm 7, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Tổng cộng 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) và ông S nhận nộp toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm. Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định của pháp luật, đạo đức xã hội, nên căn cứ Điều 300 BLTTDS, Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho các bên đương sự; Số tiền ông D đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm sẽ được hoàn trả lại.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đỗ Văn S nhận nộp toàn bộ số tiền 300.000đ nhưng được đối trừ vào số tiền ông S đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ. Ông S đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 300 BLTTDS; các Điều 481; 482; 485; 489; 490 BLDS năm 2005; các khoản 2, 3, 4 Điều 68; Điều 147; Điều 148 BLTTDS năm 2015 và Điều 27, khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Sửa án sơ thẩm.

1. Công nhận sự thỏa thuận của ông Trần Văn D và ông Đỗ Văn S về việc ông S tự nguyện thanh toán trả cho ông D 5.000.000đ trị giá của chiếc lán xưởng và 15.000.000đ quyền thuê sử dụng đất trong 5 năm từ năm 2007 đến năm 2012 đối với diện tích 40m² đất sông lấp ở mặt đường QL 37B thuộc xóm 7, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Tổng cộng 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Số tiền này ông S đã thanh toán trả cho ông D xong tại phiên tòa phúc thẩm.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Trần Văn D và ông Đỗ Văn S. Hoàn trả cho ông Trần Văn D số tiền đã nộp tạm ứng án phí 3.000.000đ theo biên lai thu tiền số BB/2012/04781 ngày 07-7-2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Nam Định.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đỗ Văn S phải nộp 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm ông S đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số BB/2012/04845 ngày 12-02-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Ông S đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND huyện Trực Ninh;
- VKSND huyện Trực Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lại Văn Tùng

